

Số: 817/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình hành động
đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của Trường Đại học Nha Trang
giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2020
(Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8, khóa XI)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ quyết định số 155-CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ v/v thành lập và qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Đại học Thủy sản, nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ v/v ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Xét đề nghị của Ban xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 8, khóa XI,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình hành động đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của Trường Đại học Nha Trang, giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2020 (thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8, khóa XI).

Điều 2. Các Trường đơn vị trực thuộc và toàn thể cán bộ viên chức chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Đảng ủy, BGH;
- Các tổ chức đoàn thể;
- Các chi bộ, các đơn vị;
- Lưu: VT, TCHC.

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Văn Xúng

Số: 508/CTHD-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 8 năm 2014

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2020
(Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8, khóa XI)
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 817/QĐ -ĐHNT ngày 25/08/2014
của Trường Đại học Nha Trang)

I. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ ĐỔI MỚI GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã xác định "Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá và hội nhập quốc tế".

- Chuẩn hoá mục tiêu, chương trình đào tạo, các trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, kiểm tra đánh giá, chuẩn đầu ra, chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và đào tạo, chuẩn hoá đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, cơ chế quản lý, cơ sở vật chất và các điều kiện khác bảo đảm chất lượng giáo dục.

- Hiện đại hoá mục tiêu, nội dung giáo dục, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục, phương pháp đánh giá giáo dục, cơ sở vật chất và hệ thống quản lý giáo dục.

- Xã hội hoá: đa dạng chủ thể đầu tư, chủ thể tham gia và giám sát các hoạt động giáo dục; xây dựng xã hội học tập, bảo đảm điều kiện học tập suốt đời cho mọi người dân; thực hiện tốt phương châm phối hợp chặt chẽ giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội; khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

- Dân chủ hoá: tạo bình đẳng về cơ hội tiếp cận giáo dục cho mọi người, nhất là các đối tượng vùng khó khăn và các đối tượng chính sách xã hội; thực hiện cơ chế người học tham gia đánh giá hoạt động giáo dục; cấp dưới tham gia đánh giá cấp trên. Công khai kết quả đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và các cơ sở giáo dục; công khai chính sách giáo dục, công khai tài chính, các điều kiện bảo đảm và kết quả giáo dục; tăng cường vai trò của Hội đồng trường trong các cơ sở giáo dục, đào tạo...

- Chủ động hội nhập quốc tế về xu thế phát triển chương trình giáo dục, đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục; mở rộng quan hệ song phương và đa phương trong hợp tác quốc tế về giáo dục; khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư, tài trợ, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học, chuyển giao công nghệ; xây dựng một số ngành đào tạo, cơ sở giáo dục đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

II. NHỮNG ĐỔI MỚI CỦA NHÀ TRƯỜNG TRONG THỜI GIAN QUA (Từ năm 2011 đến năm 2014)

1. Về chuẩn hóa

- Hoàn thành và công bố chuẩn đầu ra tất cả các ngành đào tạo ở trình độ ĐH và CĐ đáp ứng yêu cầu (kiến thức, kỹ năng, thái độ). Trên cơ sở chuẩn đầu ra, đã tiến hành thiết kế lại chương trình đào tạo (chương trình khung và chương trình học phần) và triển

khai thực hiện từ năm 2010. Về cơ bản đảm bảo được liên thông giữa các trình độ đào tạo. Có hệ thống đề cương học phần tương đối hoàn chỉnh, đáp ứng các tiêu chuẩn về chương trình của Bộ GD-ĐT cho tất cả trình độ và loại hình đào tạo.

- Các chương trình đào tạo đã được xây dựng tương đối phù hợp với Luật Giáo dục Đại học và xu hướng chung: chương trình đào tạo trình độ ĐH và CĐ theo định hướng ứng dụng; chương trình đào tạo trình độ ThS, TS theo định hướng nghiên cứu.

- Việc kiểm định chất lượng trường ĐH đã được thực hiện thường xuyên (là 1 trong 20 trường đầu tiên tham gia kiểm định chất lượng, thực hiện đầy đủ các đợt tự đánh giá chất lượng, 3 lần). Bước đầu thực hiện kiểm định chương trình đào tạo theo chuẩn khu vực (tự đánh giá 6 chương trình đào tạo trình độ ĐH theo chuẩn AUN).

- Công tác quản lý HSSV đã được xây dựng khá hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu đào tạo theo hệ thống tín chỉ (Văn bản quản lý sinh viên theo đào tạo tín chỉ, Quy định phối hợp các đơn vị trong công tác quản lý sinh viên, Quy định về công tác cố vấn học tập,...).

- Về cơ bản đội ngũ cán bộ làm công tác HSSV đã được chuẩn hóa, chuyên nghiệp hóa, đáp ứng yêu cầu đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

- Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho HSSV đã được thực hiện theo kế hoạch với những chuyên đề thiết thực.

- Các quy trình quản lý hoạt động KH-CN đã được chuẩn hóa: đề tài, dự án, sáng kiến, cải tiến, hội thảo, hội nghị khoa học các cấp và xuất bản Tạp chí khoa học của Trường.

- Công tác tổ chức – hành chính đã được chuẩn hóa: chức năng, nhiệm vụ các đơn vị; tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng viên chức; bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý; bước đầu định danh, định biên CBVC khối hành chính; hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động theo Luật viên chức; công tác tập sự giảng dạy; thi đua, khen thưởng hàng năm;...

- Việc sử dụng vật tư, thiết bị, văn phòng phẩm đã được định mức hoặc khoán. Các phòng học chuyên dụng, giảng đường, phòng thí nghiệm bước đầu được chuẩn hóa. Việc quản lý tài chính, cơ sở vật chất của các viện và trung tâm đã được phân cấp.

2. Về hiện đại hóa

- Phương pháp thiết kế chương trình đào tạo đã được chuyển hẳn sang cách tiếp cận dựa trên kết quả đầu ra (kiến thức, kỹ năng, thái độ) thay vì cách tiếp cận nội dung (kiến thức) như trước kia.

- Từ năm 2010, chuyển đổi sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở tất cả các trình độ đào tạo ở hình thức chính quy: thay đổi về tổ chức, bộ máy, quy chế, tổ chức đào tạo, phương pháp dạy học tích cực,

- Áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo và HSSV (hồ sơ thông tin, chế độ chính sách,...); công tác khoa học công nghệ (quản lý đề tài/dự án các cấp, phân biện bài báo,...); công tác quản lý CBVC; trao đổi thông tin (nhất là thông tin khoa học công nghệ) với cơ quan, đơn vị, tổ chức trong và ngoài Trường; hoạt động thư viện, công tác quản lý tài chính và cơ sở vật chất. Trang web của Trường khá hoàn chỉnh, về cơ bản đáp ứng các hoạt động của Nhà trường. Trang bị các thiết bị thí nghiệm hiện đại và một số cơ sở vật chất (nhà thi đấu, sân vận động,...), phù hợp với yêu cầu của công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và vui chơi, giải trí.

3. Về xã hội hóa

- Các cơ quan, doanh nghiệp đã được vận động tham gia hỗ trợ Nhà trường trong việc: cung cấp học bổng, tạo điều kiện thực tập, thực hành, đào tạo kỹ năng, tổ chức hoạt động phong trào, tuyển dụng cho SV; chuyển giao công nghệ (cá chẻm, cá chim vây vàng,

chitin - chitosan), tư vấn kỹ thuật (hạn chế sự biến màu cho nước mắm thành phẩm; ướp tằm gia vị để sản xuất sản phẩm mực khô; tư vấn giải pháp tiết kiệm năng lượng,...); tăng cường cơ sở vật chất (Trung tâm Thực hành Du lịch, một số công trình cải tạo cảnh quan môi trường, một số thiết bị thí nghiệm - thực hành,...)

- Đã tổ chức để gia đình HSSV, chính quyền địa phương cùng với Nhà trường tham gia công tác giáo dục HSSV.

4. Về dân chủ hóa

- Lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy được thực hiện thường xuyên. HSSV được đối thoại với lãnh đạo Nhà trường, được đảm bảo quyền lợi theo đúng quy định của Pháp luật và quy chế.

- Các chủ trương, chính sách quan trọng của Nhà trường đều được tổ chức lấy ý kiến của viên chức.

- Các vấn đề của Nhà trường đều được công khai, minh bạch, rõ ràng: công tác tổ chức – cán bộ, công tác tài chính, công tác đào tạo, công tác khoa học công nghệ, công tác HSSV,...

- Hàng năm tổ chức lấy ý kiến đánh giá cán bộ chủ chốt của Trường.

- CBVC được tạo điều kiện để trực tiếp tham mưu, đề xuất với Hiệu trưởng về các vấn đề của Nhà Trường.

5. Về hội nhập quốc tế

- Đã tổ chức hợp tác với một số nước để đào tạo sinh viên và học viên nước ngoài tại Trường (Séc, Thái, Lào, Rwanda, Trung Quốc, Sri Lanka, Bangladesh, Nauy,...); cử sinh viên đi học theo chương trình liên kết đào tạo tại một số nước (Hàn Quốc, Séc, Ấn Độ,...).

- Nhiều đề tài/dự án khoa học công nghệ được triển khai với sự hỗ trợ của các đối tác nước ngoài, tiêu biểu: Dự án “Nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu cho Trường Đại học Nha Trang” do chính phủ Nauy tài trợ; Dự án “Nghiên cứu về ký sinh trùng trên cá tra tại đồng bằng sông Cửu Long” do EU tài trợ; Dự án “SMAR/2008/021: Phát triển nuôi tôm hùm gai ở Indonesia, Việt Nam và Australia” do Australia tài trợ;...

- Từ 2011 đến nay đã tiến hành hoặc phối hợp tổ chức trên 20 hội thảo, hội nghị, khóa tập huấn về KHCN có yếu tố nước ngoài, tiêu biểu: Hội thảo chitin-chitosan Châu Á - Thái Bình Dương (08/2011); Hội thảo Quốc tế VN-Đài Loan về nuôi biển (05/2012, 06/2014); Khóa tập huấn vi nang sinh học 3/2014 (kết hợp cùng AUF, Hội vi nang sinh học Pháp);...

- Từ 2011 đến nay nhiều cán bộ đã được cử đi đào tạo tại nước ngoài: 31 đào tạo cao học, thực tập sinh; 28 đào tạo tiến sĩ, sau tiến sĩ; 123 lượt cán bộ tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, hội thảo. Duy trì việc trao đổi CBGD giữa Trường với nước ngoài.

- Hoạt động hợp tác quốc tế cũng hỗ trợ một phần đáng kể vào việc tăng cường cơ sở vật chất: Hỗ trợ các thiết bị nghiên cứu và giảng dạy cho Viện Nuôi trồng thủy sản, Viện CNSH và MT, Khoa Kinh tế,...

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TIẾP TỤC ĐỔI MỚI GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Về chuẩn hóa

1.1. Hoàn thiện mục tiêu và chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo (ở tất cả các trình độ đào tạo) theo Khung trình độ quốc gia, chuẩn kiểm định quốc gia, hướng tới tiếp cận chuẩn khu vực và gắn chặt hơn với kết quả khảo sát nhu cầu xã hội về việc làm. (Thực

hiện: Trưởng Khoa SDH, Trưởng Phòng ĐT, các trưởng khoa, viện ĐT; hoàn thành trước tháng 6/2015)

1.2. Hoàn thiện và thống nhất chương trình đào tạo trình độ ĐH cho tất cả các hình thức đào tạo nhằm tiến tới chỉ có 1 chuẩn đầu ra cho 1 trình độ đào tạo. (Thực hiện: Trưởng Phòng ĐT, Trưởng Khoa Tại chức, các trưởng khoa, viện ĐT; hoàn thành trước tháng 6/2015)

1.3. Rà soát và xây dựng hệ thống học phần cốt lõi của các chương trình đào tạo (trong một lĩnh vực và nhóm ngành gần). (Thực hiện: Trưởng Khoa SDH, Trưởng Phòng ĐT, các trưởng khoa, viện ĐT; hoàn thành trước tháng 6/2016)

1.4. Phân luồng các chương trình đào tạo trình độ ĐH và ThS (theo hai định hướng nghiên cứu và ứng dụng - thực hành); cải tiến các chương trình đào tạo thạc sĩ theo hai hướng: chuyên sâu và liên ngành. (Thực hiện: Trưởng Khoa SDH, Trưởng Phòng ĐT; hoàn thành trước tháng 6/2016)

1.5. Chuyển việc đào tạo và đánh giá năng lực ngoại ngữ cho người học theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Châu Âu. Ở trình độ SDH, dần tiến tới trình độ ngoại ngữ chỉ là chuẩn đầu vào. (Thực hiện: Trưởng Khoa SDH, Trưởng Phòng ĐT, Trưởng Khoa NN; hoàn thành trước tháng 6/2016)

1.6. Đến năm 2020, có ít nhất 1 khoa/viện mở loại hình bồi dưỡng sau tiến sĩ và chuẩn hóa loại hình bồi dưỡng này. (Thực hiện: Trưởng Khoa SDH; hoàn thành trước tháng 6/2020)

1.7. Bắt đầu từ năm học 2018 - 2019 có từ 1 đến 2 chương trình đào tạo đạt chuẩn khu vực (AUN), làm cơ sở cải tiến các chương trình đào tạo còn lại. (Thực hiện: Trưởng Phòng ĐT, Trưởng Phòng ĐBCL&TT, Trưởng các khoa, viện; hoàn thành trước tháng 9/2018)

1.8. Hoàn thiện các quy chế, quy định về quản lý chuyên môn nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. (Thực hiện: Trưởng Phòng ĐBCL&TT; hoàn thành trước tháng 6/2015)

1.9. Xây dựng và triển khai thực hiện hệ thống các hành vi chuẩn nhằm đáp ứng các tiêu chí, chuẩn mực văn hóa chất lượng trong Nhà trường. (Thực hiện: Trưởng Phòng ĐBCL&TT; hoàn thành trước tháng 6/2015)

1.10. Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ. (Thực hiện: Trưởng Phòng KHCN, các trưởng đơn vị; hoàn thành trước tháng 6/2020)

1.11. Xây dựng quy trình đề xuất nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp theo hướng chủ động và đón đầu. (Thực hiện: Trưởng Phòng KHCN; hoàn thành trước tháng 1/2015)

1.12. Xây dựng quy trình công tác đánh giá, nghiệm thu và dự toán kinh phí theo hình thức khoán sản phẩm đối với đề tài cấp cơ sở. (Thực hiện: Trưởng Phòng KHCN; hoàn thành trước tháng 6/2015)

1.13. Rà soát, bổ sung và triển khai thực hiện Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý, chuyên môn, (Thực hiện: Trưởng Phòng TC-HC; tiến hành hàng năm)

1.14. Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ cán bộ giảng dạy và quản lý. (Thực hiện: các trưởng đơn vị; hoàn thành trước tháng 6/2020)

1.15. Xây dựng quy chế khuyến khích viên chức giảng dạy trẻ tham gia nghiên cứu khoa học. (Thực hiện: đ/c Trưởng Phòng TC-HC, Trưởng Phòng KHCN; hoàn thành trước tháng 6/2016)

1.16. Xây dựng quy chế miễn nhiệm hoặc bố trí những công việc khác đối với những người không còn phù hợp. (Thực hiện: đ/c Trưởng Phòng TC-HC; hoàn thành trước tháng 6/2016)

1.17. Hoàn thiện các tiêu chí thi đua, khen thưởng và quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm của Trường nhằm đưa hoạt động khoa học công nghệ lên ngang bằng với hoạt động đào tạo. (Thực hiện: Trưởng Phòng TC-HC; tiến hành thường xuyên)

1.18. Tiếp tục xây dựng các phòng thí nghiệm, giảng đường đạt chuẩn theo qui định. (Thực hiện: Trưởng Phòng KHTC; tiến hành thường xuyên)

2. Về hiện đại hóa

2.1. Thống nhất hình thức tổ chức, quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho tất cả các hệ và bậc đào tạo; liên thông với các trường ĐH và CĐ trong và ngoài nước. (Thực hiện: Trưởng Khoa SDH, Trưởng Phòng ĐT; hoàn thành trước tháng 6/2016)

2.2. Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức dạy và học, tổ chức quản lý đào tạo, công tác quản lý HSSV và tài chính; triển khai tổ chức đào tạo theo hình thức từ xa qua mạng (Elearning), tiến tới là hình thức chủ yếu cho đào tạo ngoài Trường. (Thực hiện: Trưởng Khoa SDH, Trưởng Phòng ĐT, Trưởng Phòng CTSV, Trưởng Khoa Tại chức; tiến hành thường xuyên)

2.3. Rà soát một cách toàn diện các điều kiện thực thi chương trình đào tạo đảm bảo chuẩn đầu ra đã công bố: đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, tài liệu phục vụ đào tạo, ... Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập. (Thực hiện: Trưởng Phòng ĐBCL&TT; tiến hành thường xuyên)

2.4. Triển khai các chương trình đào tạo bằng Tiếng Anh (một phần hoặc toàn phần), khuyến khích CBGD sử dụng giáo trình của các trường ĐH tiến tiến của nước ngoài trong dạy và học. (Thực hiện: Trưởng Khoa SDH, Trưởng Phòng ĐT; hoàn thành trước tháng 6/2015)

2.5. Tiếp tục hiện đại hóa Thư viện. (Thực hiện: Giám đốc Thư viện; tiến hành thường xuyên)

2.6. Xây dựng cổng thông tin điện tử đáp ứng mọi hoạt động của Trường. (Thực hiện: Phó Hiệu trưởng phụ trách KHCCN; hoàn thành trước tháng 6/2016)

2.7. Ưu tiên nguồn lực, tập trung đầu tư cho các nghiên cứu gắn với công nghệ mũi nhọn. (Thực hiện: Trưởng Phòng KHCCN; tiến hành thường xuyên)

2.8. Hiện đại hóa quy trình theo dõi các khâu công việc xuất bản Tạp chí. (Thực hiện: Trưởng Phòng KHCCN; hoàn thành trước tháng 1/2015)

2.9. Hoàn thành xây dựng mới phần mềm quản lý cán bộ. (Thực hiện: Trưởng Phòng TC-HC; hoàn thành trước tháng 6/2015)

2.10. Tiếp tục hoàn chỉnh và tiến tới đồng bộ, hiện đại hóa thiết bị thí nghiệm, thực hành cũng như công cụ hỗ trợ dạy học. (Thực hiện: Trưởng Phòng KHTC; tiến hành thường xuyên)

2.11. Tin học hóa việc quản lý hệ thống máy móc, thiết bị, dụng cụ và hóa chất phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. (Thực hiện: Giám đốc TT TN-TH; hoàn thành trước tháng 6/2017)

3. Về xã hội hóa

3.1. Xây dựng cơ chế phù hợp để thu hút sự tham gia của cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội vào công tác đào tạo, khoa học công nghệ, giáo dục sinh viên và xây dựng cơ sở

vật chất của Nhà trường. (Thực hiện: Trưởng Phòng ĐT, Trưởng Phòng KHCN, Trưởng Phòng CTSV, Trưởng Phòng KHTC; hoàn thành trước tháng 6/2015)

3.2. Từ nay đến 2020, có ít nhất 2 sản phẩm KHCN được chuyển giao hoặc thương mại hóa. (Thực hiện: Trưởng Ban PT&CGCN; hoàn thành trước tháng 6/2020)

3.3. Cổ phần hóa một số đơn vị KHCN. (Thực hiện: Tổ tư vấn chuyển đổi DN KHCN, Trưởng Phòng KHCN, Trưởng Phòng TC-HC, các trưởng đơn vị KHCN; hoàn thành trước tháng 6/2020)

3.4. Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Nhà trường, chính quyền, các tổ chức đoàn thể, cá nhân ở địa phương và gia đình trong công tác quản lý, giáo dục HSSV. (Thực hiện: Trưởng Phòng CTSV; hoàn thành trước tháng 1/2015)

4. Về dân chủ hóa

4.1. Mở rộng lấy ý kiến về tất cả các mặt hoạt động của Trường. Tiếp tục tổ chức lấy ý kiến của CBVC để đánh giá cán bộ chủ chốt. (Thực hiện: Trưởng Phòng CTSV, Trưởng phòng TC-HC; tiến hành thường xuyên)

4.2. Tiếp tục thực hiện công khai, minh bạch các hoạt động của Nhà trường, nhất là theo yêu cầu 3 công khai của Bộ GD-ĐT. (Thực hiện: Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng; tiến hành thường xuyên)

5. Về hội nhập quốc tế

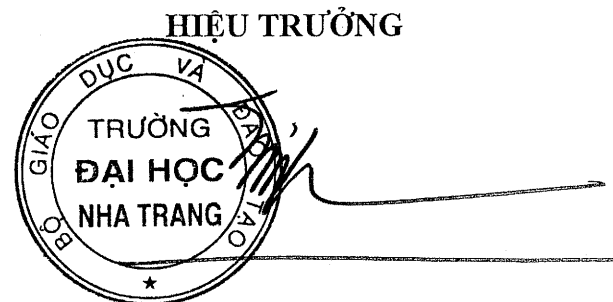
5.1. Duy trì và phát triển quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài, chú trọng hoạt động đào tạo và khoa học công nghệ. (Thực hiện: Trưởng Phòng HTĐN và các trưởng đơn vị; tiến hành thường xuyên)

5.2. Bổ sung và hoàn thiện các văn bản về chế độ, chính sách, các quy định liên quan đến hoạt động hợp tác đối ngoại. (Thực hiện: Trưởng Phòng HTĐN và các trưởng đơn vị; hoàn thành trước tháng 6/2015)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Chương trình hành động của Trường, các đơn vị xây dựng chương trình hành động của đơn vị mình và triển khai thực hiện. Thời gian hoàn thành xây dựng chương trình: trước 30/9/2014 (gửi về Phòng ĐBCL&TT).

2. Phòng ĐBCL&TT chịu trách nhiệm rà soát, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chương trình hành động của Trường và các đơn vị; định kỳ 6 tháng và đột xuất khi cần báo cáo Đảng ủy và BGH (thông qua VP Đảng ủy).



Vũ Văn Dũng